

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

**TRIỂN KHAI HỆ THỐNG THÔNG TIN
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Đà Nẵng, 12/2025

NỘI DUNG

1

**BỐI CẢNH
VÀ MỤC TIÊU**

2

**KẾ HOẠCH TRIỂN
Khai**

3

**CÁCH THỨC
TRIỂN KHAI**

1. BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU

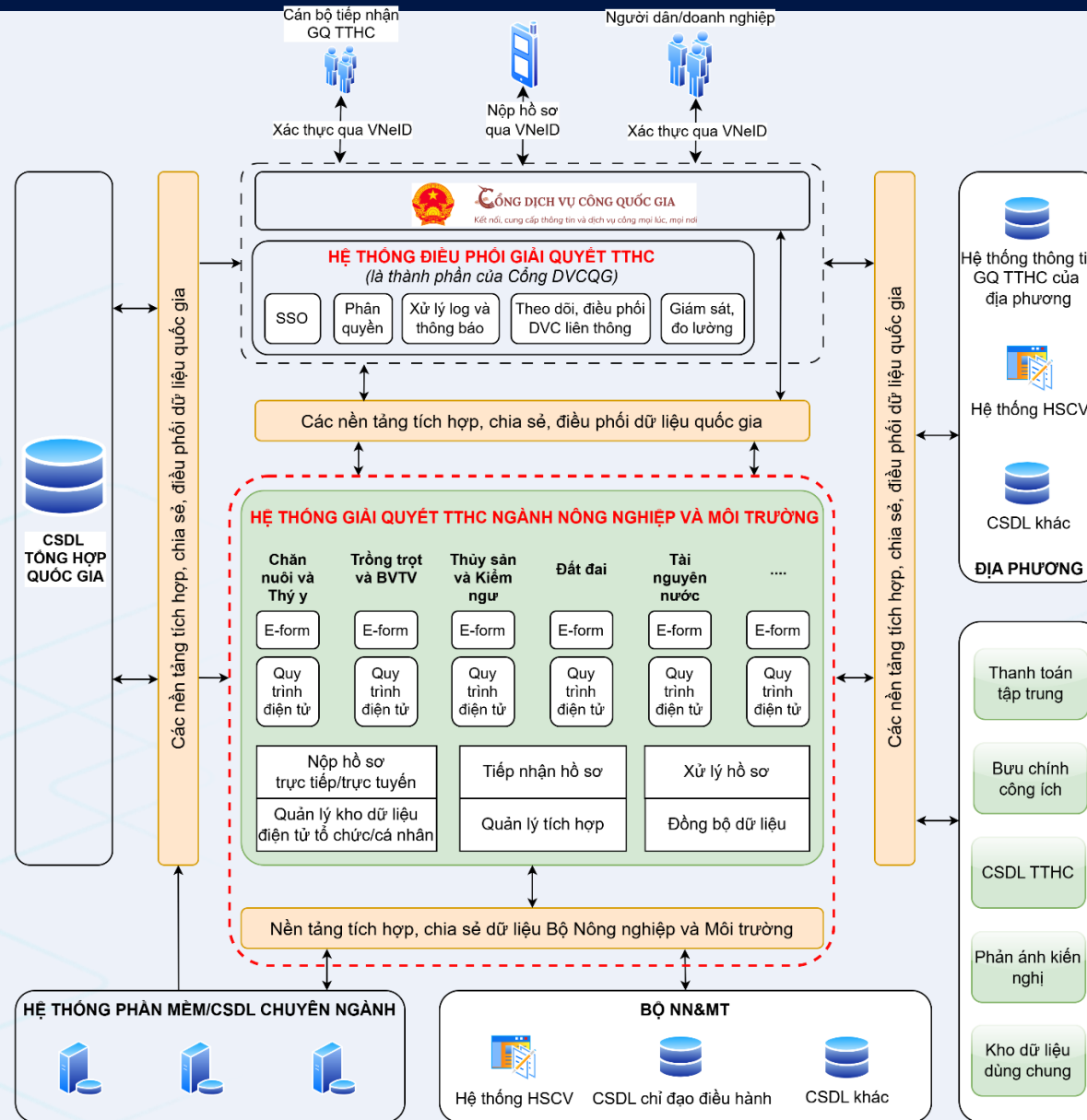
1.1. BỐI CẢNH VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Kế hoạch số **02-KH/BCĐTW** ngày 19/06/2025 của Ban Chỉ đạo 57
- Nghị quyết số **214/NQ-CP** ngày 23/07/2025 Kế hoạch hành động của Chính phủ về dữ liệu cho chuyển đổi số
- Các Thông báo kết luận **14, 19, 35-TB/TGV**.
- Quyết định số **2618/QĐ-BKHCN** ngày 11/09/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số.
- Công văn **5721/BKHCN-CĐSQG** ngày 17/10/2025 về kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.
- Quyết định số **4554/QĐ-BNNMT** ngày 31/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Công văn số **9923/BNNMT-CĐS** ngày 03/12/2025 về việc công bố kiến trúc và phối hợp triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.2 MỤC TIÊU

1. Bộ ngành xây dựng nền tảng dùng chung, địa phương sử dụng.
2. Một quy trình, một bộ biểu mẫu, hình thành dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung
 - **Bộ biểu mẫu điện tử (e-form) dùng chung**
 - Thiết kế một lần, sử dụng đồng bộ cho tất cả tỉnh/thành
 - Khi thay đổi quy định, trưởng thành dữ liệu, Bộ chỉnh sửa e-form **tại một nơi, áp dụng toàn ngành.**
 - **Hình thành các CSDL tập trung:** Dữ liệu được hình thành từ TTHC tập trung trên toàn quốc.
3. Thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ nhanh chóng theo sự trưởng thành của dữ liệu
4. Tích hợp xuyên suốt Cổng DVCQG theo mô hình “Một cửa số quốc gia”.

1.3. KIẾN TRÚC TỔNG THỂ



1.4. LỢI ÍCH

LỢI ÍCH

Đối với người dân, doanh nghiệp

Đối với Bộ

Đối với địa phương

➤ **Đối với người dân, doanh nghiệp**

- **Một tài khoản, một cửa truy cập:** chỉ truy cập duy nhất Cổng DVCQG
- **Thủ tục đơn giản, minh bạch:** biểu mẫu điện tử chuẩn toàn quốc, hướng dẫn thống nhất
- **Trải nghiệm thống nhất trên cả nước**

➤ **Đối với Bộ**

- Chủ động quản trị **toàn bộ quy trình TTHC ngành** trên một nền tảng thống nhất
- Giúp hình thành kho dữ liệu ngành
- Dễ dàng **đơn giản hóa, chuẩn hóa thủ tục**, cập nhật quy định mới
- Có đầy đủ dữ liệu để **đánh giá, xếp hạng, giám sát các đơn vị** trong ngành
- Tối ưu chi phí: **đầu tư một lần - dùng chung toàn ngành**

➤ **Đối với địa phương**

- Không phải tự phát triển, bảo trì nhiều hệ thống riêng
- Được sử dụng **hệ thống chuẩn, thường xuyên được cập nhật**, bảo đảm ATTT
- Được hỗ trợ tập trung về kỹ thuật, đào tạo, vận hành

2. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

2.1. GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI

Giai đoạn 1: Đến Quý I/2026

- Vận hành ổn định toàn bộ các TTHC phân quyền xử lý ở cấp tỉnh (367TTHC) trên hệ thống mới đảm bảo thống nhất 1 form biểu mẫu cho toàn quốc, quy trình xử lý điện tử nội bộ sẽ điều chỉnh phù hợp theo đơn vị hành chính của địa phương tuy nhiên tuân theo khung chung quy định của Bộ.
- Chuẩn hóa và ban hành hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, danh mục TTHC, eForm thống nhất toàn ngành.
- Chuẩn hóa, ban hành hướng dẫn **API, mô hình kết nối – đồng bộ – xử lý dữ liệu theo kiến trúc tập trung**; công bố bộ API chuẩn để địa phương và các hệ thống liên quan kết nối.
- Đảm bảo HTTT GQTTHC cấp bộ kết nối với **Cổng DVCQG, VNeI, Cổng thanh toán tập trung, bưu chính công ích, CSDL đăng ký doanh nghiệp**
- Rà soát TTHC thuộc phạm vi quản lý, xác định thành phần hồ sơ có thể **thay thế bằng dữ liệu điện tử của 2 giấy tờ thay thế : Căn cước công dân, đăng ký doanh nghiệp (theo quyết định 77.6 của TTCP)**
- Với **TTHC đặc thù thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ**, phối hợp Bộ để cấu hình, triển khai trên HTTT GQTTHC cấp bộ

2.2. GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI

Giai đoạn 2

- Đảm bảo HTTT GQTTHC cấp bộ kết nối với CSDL quốc gia/chuyên ngành, Cổng eSign, các hệ thống nghiệp vụ nội bộ như QLVB, hệ thống thuế,...
- Đưa các TTHC cấp bộ lên xử lý tập trung trên hệ thống.
- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi dữ liệu (trích xuất, chuẩn hóa, đối sánh, kiểm thử, xác nhận) từ hệ thống cũ lên hệ thống tập trung.
- Hướng dẫn mapping, xây dựng công cụ/kịch bản chuyển đổi; kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu sau chuyển đổi.
- Tiếp tục rà soát TTHC thuộc phạm vi quản lý, xác định thành phần hồ sơ có thể **thay thế bằng dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ khác như DL hộ tịch, dữ liệu đất đai,.... (theo 77.6) để triển khai trên hệ thống**
- Tích hợp với Hệ thống điều phối của BCA xây dựng phục vụ cán bộ xử lý đăng nhập và xử lý hồ sơ trên bàn làm việc số.
- **Nâng cấp chức năng hệ thống** đảm bảo đáp ứng yêu cầu của địa phương

2.3 . VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ NGÀNH TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Chuẩn hóa, ban hành chuẩn nghiệp vụ và kỹ thuật dùng chung

- Chuẩn hóa và ban hành hướng dẫn **quy trình nghiệp vụ, danh mục TTHC, eForm** thống nhất toàn ngành.

2. Triển khai, cấp tài khoản và tổ chức vận hành hệ thống

- Xây dựng kế hoạch; thiết kế kiến trúc (**QĐ 4554**)
- Thu thập, cấp tài khoản và triển khai thử nghiệm (**CV 9923**)
- **Đào tạo, tập huấn** cho cán bộ ngành dọc và địa phương
- Thiết lập đầu mối hỗ trợ kỹ thuật.

3. Chuyển đổi, hợp nhất dữ liệu và hệ thống

- Chuyển đổi quy trình thực hiện TTHC từ các địa phương vào Hệ thống chung.
- Hướng dẫn xây dựng công cụ/kịch bản chuyển đổi; **kiểm tra tính đầy đủ, chính xác** của dữ liệu sau chuyển đổi.

4. Bảo đảm kết nối, liên thông, an toàn thông tin và dịch vụ dùng chung

- Đảm bảo HTTT GQTTHC cấp bộ kết nối với **Cổng DVCQG, VNeID, VDXP/NDXP/NDOP, CSDL quốc gia/chuyên ngành, Cổng eSign, Cổng thanh toán tập trung, bưu chính công ích...**

5. Chủ trì khai thác dữ liệu để cắt giảm hồ sơ, xử lý thủ tục đặc thù

- Rà soát TTHC xác định thành phần hồ sơ có thể **thay thế bằng dữ liệu điện tử**
- Định kỳ **báo cáo kết quả cắt giảm thành phần hồ sơ, số lượt khai thác dữ liệu thay giấy tờ**, sửa đổi QPPL đảm bảo tính pháp lý của việc dùng dữ liệu thay giấy tờ.

1.4. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA TỈNH/THÀNH TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Phối hợp chuẩn hóa, triển khai

- Phối hợp với Bộ trong việc **chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật quy trình TTHC, triển khai các yêu cầu kỹ thuật** theo hướng dẫn.

- Bố trí **đầu mối kỹ thuật** làm việc với Bộ; cung cấp thông tin người sử dụng và rà soát quy trình, thủ tục

2. Quản trị người dùng và cấu hình quy trình

- Sử dụng tài khoản quản trị do Bộ cấp để **thêm/sửa/xóa tài khoản cán bộ**, cấu hình vai trò xử lý và phân quyền trong quy trình điện tử theo thẩm quyền.

- Rà soát, cập nhật thông tin tài khoản, cấu hình quy trình nghiệp vụ bảo đảm **phù hợp tổ chức bộ máy tỉnh nhưng không trái khung kiến trúc của Bộ**.

4. Sử dụng, duy trì các hệ thống cấp tỉnh đúng phạm vi

- Sử dụng HTTT GQTTHC cấp bộ cho các TTHC đã được triển khai trên hệ thống tập trung.

5. Triển khai thủ tục đặc thù và bảo đảm chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ người dùng

- Với **TTHC đặc thù thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ**, phối hợp Bộ để cấu hình, triển khai trên HTTT GQTTHC cấp bộ;
- Đảm bảo **đồng bộ trạng thái, kết quả giải quyết TTHC** (kể cả thủ tục đặc thù, thủ tục thực hiện trên hệ thống tỉnh) lên Hệ thống điều phối và Cổng DVCQG để người dân tra cứu thống nhất.

3. CÁCH THỨC TRIỂN KHAI

3.1. CÁCH THỨC TRIỂN KHAI, HỖ TRỢ

- ❑ Các Sở NNMT tỉnh chủ trì kiểm tra việc cấp phát tài khoản đối với toàn bộ cán bộ của tỉnh; tổng hợp kết quả (đăng nhập thành công/thất bại/tài khoản thiếu/sai thông tin) và gửi danh sách báo cáo về Bộ NNMT trước ngày **26/12/2025**.
- ❑ Tổ chức vận hành thử nghiệm song song hệ thống từ ngày **18/12/2025**. Địa phương tiếp tục sử dụng hệ thống hiện tại, đồng thời mỗi ngày phát sinh tối thiểu **02** hồ sơ/TTHC có phát sinh hồ sơ trên hệ thống của Bộ.
- ❑ Triển khai vận hành chính thức từ ngày **01/01/2026**.
- ❑ Bộ NNMT sẽ có 1 group chung theo ngành dọc với 34 tỉnh để điều phối, chỉ đạo chung. Thành phần bao gồm: Đầu mối hỗ trợ của bộ, các cục vụ, văn phòng bộ, TTCNTT/CĐS của bộ, admin bộ, admin tỉnh, đầu mối sở, đầu mối TTPVHCC, VNPT.
- ❑ Đối với tỉnh thì sẽ có 34 group cho 34 tỉnh tương ứng. Thành phần gồm: Đầu mối hỗ trợ của Bộ, Đầu mối sở, cán bộ tiếp nhận và trả kết quả, cán bộ xử lý TTHC tại Sở NNMT, VNPT.

3.2. TÀI LIỆU

- ❑ Tài liệu hướng dẫn sử dụng:

https://drive.google.com/drive/folders/1Y6EM_Zi_j1ypErH2wHn8df2txSPSLJB?usp=sharing



- ❑ Câu hỏi, khó khăn, vướng mắc:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1wEmQF6EbFfw9Ellun35y36UVJhwlgUO9/edit?usp=sharing&oid=105351876678878228187&rtpof=true&sd=true>



Thank you!

